

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SYT-NVYD

Sóc Trăng, ngày 14 tháng 3 năm 2025

PHIẾU TIẾP NHẬN
Hồ sơ công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
đủ điều kiện thực hiện khám và điều trị HIV/AIDS

Họ và tên: PHAN QUỐC TỨ

Địa chỉ: ấp 3, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Điện thoại: 0939.805.993

Đã tiếp nhận hồ sơ công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám và điều trị HIV/AIDS của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh gồm các giấy tờ sau:

1. Văn bản công bố đủ điều kiện thực hiện khám và điều trị HIV/AIDS theo Mẫu 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP.
2. Bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh kèm theo danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
3. Danh sách nhân sự và thiết bị y tế bảo đảm thực hiện khám và điều trị HIV/AIDS theo Mẫu 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

Sóc Trăng, ngày 14 tháng 3 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Văn Dũng

**SỞ Y TẾ SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT
BỆNH TẬT**

Số: 155 /BCB-KSBT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày 11 tháng 3 năm 2025

**BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện
thực hiện khám và điều trị HIV/AIDS**

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng

Tên cơ sở công bố: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sóc Trăng.

Số giấy phép hoạt động đã được cấp: 0993/ST-GPHĐ; Nơi cấp: Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng; Ngày cấp: 03/3/2025.

Địa chỉ: 376 Lê Duẩn, Phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Điện thoại: 0299 3620111; Email: khoaaidscdst@gmail.com

Công bố đủ điều kiện thực hiện khám và điều trị HIV/AIDS, gửi kèm theo văn bản này 01 bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau đây:

1. Văn bản công bố đủ điều kiện thực hiện khám và điều trị HIV/AIDS.
2. Bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.
3. Danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
4. Danh sách nhân sự và trang thiết bị y tế đảm bảo thực hiện khám và chữa bệnh HIV/AIDS (Chứng chỉ hành nghề của các nhân sự tham gia).

Nơi nhận:

- Sở Y tế-Phòng NV Y-Dược (trình phê duyệt);
- Ban Giám đốc Trung tâm;
- Khoa, phòng thuộc Trung tâm;
- Lưu: VT, HIV/AIDS, KHN



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thêm

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

SỞ Y TẾ

Số:...../ST-GPHĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

*Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y - Dược.*

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH SÓC TRĂNG**

Hình thức tổ chức: **Phòng khám đa khoa**

Địa chỉ hoạt động: **Số 376, Lê Duẩn, Phường 1, thành phố Sóc Trăng**

Thời gian làm việc hàng ngày: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; chiều từ 13 giờ đến 17 giờ tất cả các ngày trong tuần

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Sơ cấp cứu, khám điều trị ngoại trú các bệnh Nội khoa, Sản phụ khoa; Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; Điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng Methadone, thuốc kháng HIV và thực hiện các dịch vụ kỹ thuật theo quyết định phê duyệt của Giám đốc Sở Y tế

Sóc Trăng, ngày 3 tháng 3 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Võ Quốc Truật

Số: 257 /QĐ-SYT

Sóc Trăng, ngày 03 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v cấp lại giấy phép hoạt động Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sóc Trăng

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH 15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Sóc Trăng Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép hoạt động của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sóc Trăng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y- Dược, Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép hoạt động đối với TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH SÓC TRĂNG (địa điểm hành nghề: Số 376, Lê Duẩn, Phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng).

- Số giấy phép hoạt động: 0993/ST-GPHĐ do Sở Y tế Sóc Trăng cấp ngày 03/3/2025.

- Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: Bác sỹ Võ Quang Hà, giấy phép hành nghề số 001234/ST-CCHN do Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/11/2013.

- Thời gian hoạt động: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; chiều từ 13 giờ đến 17 giờ tất cả các ngày trong tuần.

Điều 2. TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH SÓC TRĂNG có trách nhiệm:

Tổ chức, triển khai hoạt động theo phạm vi hoạt động chuyên môn đã được phê

duyet, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Trưởng phòng Nghiệp vụ Y- Dược, Chánh thanh tra Sở Y tế; người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sóc Trăng và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục Quản lý KCB-BYT (để b/c);
- BGĐ Sở Y tế;
- Công TTĐT Sở Y tế;
- TT PVHCC;
- Lưu: TC-HC, NVY-D.



GIÁM ĐỐC

Võ Quốc Trứ

Số: 124/QĐ-SYT

Sóc Trăng, ngày 17 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sóc Trăng

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 23 tháng 11 năm 2009.

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 14/8/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sóc Trăng gồm 172 dịch vụ kỹ thuật và các hoạt động chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế (Thông tư 09/2011/TT-BYT ngày 23/01/2021 về việc Hướng dẫn điều kiện và phạm vi chuyên môn của cơ sở y tế điều trị bằng thuốc kháng HIV; Quyết định 5968/QĐ-BYT về việc ban hành Hướng dẫn điều trị và chăm sóc HIV/AIDS) theo danh mục đính kèm.

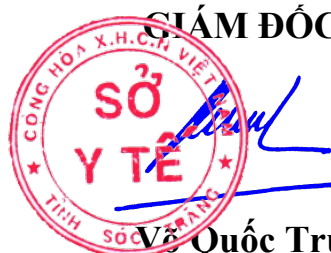
Điều 2: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sóc Trăng phải thực hiện đúng quy trình kỹ thuật của Bộ Y tế ban hành để đảm bảo an toàn sức khỏe cho người bệnh.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4: Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y - Dược, Chánh Thanh tra Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sóc Trăng và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- BHXH tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: VP; NVY.



**DANH MỤC CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH,
CHỮA BỆNH CỦA TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
TỈNH SÓC TRĂNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 124/QĐ-SYT, ngày 17/01/2024 của Sở Y tế)

A. DANH MỤC KỸ THUẬT THEO THÔNG TƯ SỐ 43/2013/TT-BYT

Stt	Stt theo TT. 43	Danh mục kỹ thuật	Phê duyệt	Ghi chú
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC		
1	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	x	
2	269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn	x	
3	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x	
4	275	Băng bó vết thương	x	
5	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	
		II. NỘI KHOA		
6	24	Đo chức năng hô hấp	x	
7	32	Khí dung thuốc giãn phế quản	x	
8	85	Điện tim thường	x	
9	314	Siêu âm ổ bụng	x	
10	363	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	x	
		VII. NỘI TIẾT		
11	225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	x	
12	226	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	x	
13	227	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ¼ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	x	
14	228	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng < ½ bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	x	
15	229	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét rộng lan tỏa cả bàn chân trên người bệnh đái tháo đường	x	
16	230	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng phần mềm trên người bệnh đái tháo đường	x	
17	231	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường	x	
18	232	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo đường	x	
19	233	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường	x	
20	234	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường	x	
21	239	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin	x	

Stt	Stt theo TT. 43	Danh mục kỹ thuật	Phê duyệt	Ghi chú
22	240	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân	x	
23	241	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện	x	
		XIII. PHỤ SẢN		
24	40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	x	
25	41	Khám thai	x	
26	49	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	x	
27	136	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	x	
28	148	Lấy dị vật âm đạo	x	
29	165	Khám phụ khoa	x	
30	166	Soi cổ tử cung	x	
31	167	Làm thuốc âm đạo	x	
32	225	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)	x	
33	226	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)	x	
34	228	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	x	
35	238	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	
36	239	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	x	
37	241	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	
		XIX. MẮT		
38	200	Lấy dị vật kết mạc	x	
39	208	Thay băng vô khuẩn	x	
40	209	Tra thuốc nhỏ mắt	x	
41	218	Soi đáy mắt trực tiếp	x	
42	223	Khám lâm sàng mắt	x	
43	260	Đo thị lực	x	
		XV. TAI – MŨI HỌNG		
44	56	Chọc hút dịch vành tai	x	
45	57	Chích nhọt ống tai ngoài	x	
46	58	Làm thuốc tai	x	
47	59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	x	
48	212	Lấy dị vật họng miệng	x	
49	222	Khí dung mũi họng	x	
50	223	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	x	
51	301	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	x	
52	302	Cắt chỉ sau phẫu thuật	x	
53	303	Thay băng vết mổ	x	
54	304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	x	
		XVI. RĂNG - HÀM - MẶT		
55	84	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	x	
56	301	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	x	
		XVIII. ĐIỆN QUANG		
57	1	Siêu âm tuyến giáp	x	

Stt	Stt theo TT. 43	Danh mục kỹ thuật	Phê duyệt	Ghi chú
58	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x	
59	18	Siêu âm tử cung phần phụ	x	
60	30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	x	
61	31	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	x	
62	34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	x	
63	35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	x	
64	36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	x	
65	41	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	
66	42	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi	x	
67	54	Siêu âm tuyến vú hai bên	x	
68	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	x	
69	68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	x	
70	69	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	x	
71	70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	x	
72	71	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	x	
73	72	Chụp Xquang Blondeau	x	
74	73	Chụp Xquang Hirtz	x	
75	74	Chụp Xquang hàm chéch một bên	x	
76	75	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	x	
77	76	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng	x	
78	77	Chụp Xquang Chausse III	x	
79	78	Chụp Xquang Schuller	x	
80	79	Chụp Xquang Stenvers	x	
81	80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	x	
82	81	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)	x	
83	85	Chụp Xquang mỏm trâm	x	
84	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	x	
85	87	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên	x	
86	88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	x	
87	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	x	
88	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch	x	
89	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x	
90	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên	x	
91	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	x	
92	94	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập uốn	x	
93	95	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	x	
94	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	x	
95	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên	x	
96	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng	x	
97	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéch	x	
98	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng	x	

Stt	Stt theo TT. 43	Danh mục kỹ thuật	Phê duyệt	Ghi chú
99	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéo	x	
100	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	x	
101	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	x	
102	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	
103	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle)	x	
104	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	
105	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	
106	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	
107	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	x	
108	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	x	
109	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	x	
110	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	
111	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x	
112	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x	
113	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	
114	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	
115	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	x	
116	119	Chụp Xquang ngực thẳng	x	
117	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên	x	
118	121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	x	
119	122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chéo	x	
120	123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	x	
121	124	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	x	
122	125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	x	
		XXII. HUYẾT HỌC – TRUYỀN MÁU		
123	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	x	
124	121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	x	
125	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)	x	
126	342	Xét nghiệm đếm số lượng CD3 - CD4 - CD8	x	
		XXIII. HÓA SINH		
127	3	Định lượng Acid Uric	x	
128	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x	
129	20	Đo hoạt độ AST (GOT)	x	
130	29	Định lượng Canxi toàn phần	x	
131	51	Định lượng Creatinin	x	

Stt	Stt theo TT. 43	Danh mục kỹ thuật	Phê duyệt	Ghi chú
132	58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	x	
133	75	Định lượng Glucose	x	
134	77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	x	
135	83	Định lượng HbA1c	x	
136	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	x	
137	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	x	
138	158	Định lượng Triglycerid	x	
139	166	Định lượng Urê	x	
140	188	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)	x	
141	194	Định tính Morphin (test nhanh)	x	
142	196	Định tính Heroin (test nhanh)	x	
143	206	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	x	
		XXIV. VI SINH		
144	49	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> nhuộm soi	x	
145	60	<i>Chlamydia</i> test nhanh	x	
146	98	<i>Treponema pallidum</i> test nhanh	x	
147	114	Virus PCR	x	
148	115	Virus Real-time PCR	x	
149	117	HBsAg test nhanh	x	
150	122	HBsAb test nhanh	x	
151	136	HBV đo tải lượng Real-time PCR	x	
152	144	HCV Ab test nhanh	x	
153	151	HCV đo tải lượng Real-time PCR	x	
154	155	HAV Ab test nhanh	x	
155	164	HEV IgM test nhanh	x	
156	169	HIV Ab test nhanh	x	
157	173	HIV Ag/Ab miễn dịch bán tự động	x	
158	179	HIV đo tải lượng Real-time PCR	x	
159	175	HIV kháng định (*)	x	
160	183	Dengue virus NS1Ag test nhanh	x	
161	188	Dengue virus IgM miễn dịch bán tự động	x	
162	235	Coronavirus Real-time PCR	x	
163	267	Trứng giun, sán soi tươi	x	
164	269	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	x	
165	329	Vì sinh vật cây kiểm tra không khí	x	
166	330	Vì sinh vật cây kiểm tra bàn tay	x	
167	331	Vì sinh vật cây kiểm tra dụng cụ đã tiệt trùng	x	
168	332	Vì sinh vật cây kiểm tra bề mặt	x	

Stt	Stt theo TT. 43	Danh mục kỹ thuật	Phê duyệt	Ghi chú
169	333	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước sinh hoạt	x	
170		Đo loãng xương	x	
171		Đo đường máu mao mạch	x	
172	552	MTB (Mycobacterium tuberculosis) kháng nguyên nhanh trong nước tiểu	x	QĐ: 2538/QĐ-BYT, ngày 15/6/2023

B. CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ Y TẾ
(Thông tư 09/2011/TT-BYT ngày 23/01/2021 về việc Hướng dẫn điều kiện và phạm vi chuyên môn của cơ sở y tế điều trị bằng thuốc kháng HIV; Quyết định 5968/QĐ-BYT về việc ban hành Hướng dẫn điều trị và chăm sóc HIV/AIDS).

I. Phòng khám điều trị nghiện các dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế

- Xác định tình trạng nghiện các chất dạng thuốc phiện theo quy định hiện hành.
- Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone.

II. Điều trị thuốc kháng HIV

1. Tư vấn các vấn đề liên quan đến dự phòng lây truyền HIV, chăm sóc, hỗ trợ và điều trị HIV/AIDS.
2. Thăm khám, chẩn đoán đánh giá giai đoạn lâm sàng và miễn dịch cho người nhiễm HIV.
3. Dự phòng và điều trị bệnh nhiễm trùng cơ hội ở người nhiễm HIV.
4. Điều trị bằng thuốc kháng HIV phác đồ bậc 1 cho người nhiễm HIV.
5. Theo dõi điều trị bằng thuốc kháng HIV phác đồ bậc 2 đối với các trường hợp đang điều trị thuốc kháng HIV phác đồ bậc 2 ổn định chuyển đến từ các cơ sở y tế khác hoặc được sự đồng ý của cơ sở y tế điều trị bằng thuốc kháng HIV phác đồ bậc 2 sau khi hội chẩn.
6. Điều trị dự phòng sau phơi nhiễm với HIV.
7. Theo dõi chăm sóc trẻ sinh từ mẹ nhiễm HIV.
8. Điều trị các bệnh đồng nhiễm như Viêm gan vi rút B, Viêm gan vi rút C trên bệnh nhân HIV, người điều trị Methadone.
9. Giới thiệu chuyển tuyến, chuyển tiếp người bệnh đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cần thiết khác.
10. Phối hợp với các đơn vị thực hiện chăm sóc tại nhà và cộng đồng trong việc hỗ trợ tuân thủ điều trị của người bệnh, theo dõi tác dụng phụ của thuốc và biến chứng của bệnh, bảo đảm chất lượng và hiệu quả trong công tác quản lý và theo dõi bệnh lâu dài.

III. Điều trị dự phòng trước phơi nhiễm (PrEP)

1. Sàng lọc hành vi nguy cơ.
2. Xét nghiệm HIV, HBsAg, Anti-HCV, Creatinin, Lậu, Giang mai, Chlamydia.
3. Khám và phát hiện Hội chứng nhiễm HIV cấp.
4. Khám lâm sàng, phát hiện, điều trị, dự phòng nhiễm trùng các bệnh lây truyền qua đường tình dục (STIs) và các bệnh khác.
6. Tư vấn hỗ trợ tuân thủ điều trị, theo dõi tác dụng phụ của thuốc và dự phòng STIs.
7. Chỉ định và kê đơn thuốc (hằng ngày hoặc tình huống).

IV. Điều trị dự phòng sau phơi nhiễm (PEP)

1. Xử lý vết thương tại chỗ: tổn thương da chảy máu, phơi nhiễm qua niêm mạc mắt, phơi nhiễm qua niêm mạc miệng, mũi.
2. Đánh giá nguy cơ phơi nhiễm theo mức độ tổn thương và diện tích tiếp xúc.
3. Xác định tình trạng nhiễm HIV của nguồn gây phơi nhiễm.
4. Tư vấn và hỗ trợ tâm lý, xét nghiệm HIV; xét nghiệm HBsAg, Anti-HCV.
5. Kê đơn thuốc PEP theo quy định.
6. Theo dõi tác dụng phụ của thuốc ARV, hỗ trợ tâm lý trong quá trình điều trị.
7. Tư vấn về việc không được hiến máu, quan hệ tình dục và tiêm chích an toàn, không cho con bú cho đến khi loại trừ được tình trạng nhiễm HIV.
8. Theo dõi, xét nghiệm sau phơi nhiễm HIV.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH NHÂN SỰ VÀ THIẾT BỊ Y TẾ ĐỂ
THỰC HIỆN KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ HIV/AIDS**

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sóc Trăng.

2. Địa chỉ: 376 Lê Duẩn, Phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Điện thoại: 0299 3620111. Email: khoaaidscdcst@gmail.com

3. Thời gian làm việc hằng ngày: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ, từ thứ 2 đến thứ 6

4. Danh sách người thực hiện:

STT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Vị trí chuyên môn
1	Võ Quang Hà	001234/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội	Quản lý
2	Huỳnh Ngọc Hân	03994/ST-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, điều trị cai nghiện bằng Methadone và bệnh truyền nhiễm	Bác sĩ khám bệnh
3	Trần Thuý Duy	005807/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	Cử nhân Điều dưỡng, hỗ trợ phòng điều trị ARV
4	Trần Thụy Thúy Ái	006071/ST-CCHN	Tham gia sơ cấp cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYTBNV ngày 24/05/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	Y sĩ, hỗ trợ phòng điều trị ARV

5	Trần Thị Bích Ngọc	005791/ST-CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ	Điều dưỡng, hỗ trợ phòng điều trị ARV
6	Trương Thị Thuý Oanh	1153/CCHN-D-SYT-ST	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo Quyết định số: 124/QĐ-SYT ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Giám Đốc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng	Dược sĩ trung học, cấp phát thuốc ARV

5. Bản kê khai danh mục thiết bị y tế:

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ
1	Nhiệt kế đo thân nhiệt	OMRON AURROA	Công ty Cổ phần vật tư y tế Hà Nội	Nhật Đức
2	Ống nghe	KENZMEDOCO	Tanaka Sangyo Co.,Ltd	Nhật
3	Tủ thuốc cấp cứu	VN-17327-13	Dược Phẩm TW2	Việt Nam
4	Máy đo huyết áp người lớn	KENZMEDOCO LOT.14K12	Tanaka Sangyo Co.,Ltd	Nhật
5	Bộ dụng cụ cấp cứu ban đầu và bình oxy	Không có mã Model	Công ty Cổ phần vật tư y tế Hà Nội	Việt Nam
6	Giường khám bệnh	06846	Công ty Vĩnh Thành	Việt Nam
7	Cân đo sức khỏe - chiều cao	HA623	Không rõ công ty sản xuất	Việt Nam
8	Xe đẩy/cáng cứu thương	FS25551554	Công ty Vĩnh Thành	Việt Nam
9	Máy vi tính để bàn + máy in + USP	HL-2240	Brother International (Việt Nam)	Việt Nam

10	Bộ bàn ghế làm việc (1 bàn + 1 ghế)	HPB5-065593	Công ty Hòa Phát	Việt Nam
11	Tủ để hồ sơ			Việt Nam

Sóc Trăng, ngày 11 tháng 3 năm 2025 *Men*

GIÁM ĐỐC



lee
Nguyễn Văn Thêm

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ Y TẾ

Số 001234/ST - CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **VÕ QUANG HÀ.**

Năm sinh: 1965.

Giấy chứng minh nhân dân số: 365513287.

Ngày cấp: 09/03/2001; Nơi cấp: Công an tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 2, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Văn bằng chuyên môn: Bác sỹ.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội.

Sóc Trăng, ngày 12 tháng 11 năm 2013

GIÁM ĐỐC

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 1353 Quyển số 01 SCT/BS

Ngày 16 tháng 02 năm 2013

CHỦ TỊCH UBND TT LONG PHÚ



BS. Trương Hoài Phong

Trần Minh Hải

ẤM
HỌ
TÊN

SỞ Y TẾ SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO



CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DƯỢC

Số hiệu: 1153/CCHN-D-SYT-ST

Cấp điều chỉnh lần 1

Chứng nhận Ông/Bà: **TRƯƠNG THỊ THÚY OANH**

Ngày, tháng, năm sinh: 25/10/1989

Số CMND/Thẻ căn cước: 095189002643

Ngày cấp: 20/8/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh Sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: 22 Bùi Thị Xuân, Khóm 1, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Văn bằng chuyên môn: **Dược sĩ cao đẳng**

Phạm vi hoạt động chuyên môn: **Bán lẻ thuốc.**

Đủ điều kiện hành nghề dược với các vị trí hành nghề sau:

Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của: Quầy thuốc; Tủ thuốc Trạm Y tế xã.

Hình thức cấp Chứng chỉ hành nghề: Xét hồ sơ

Chứng chỉ hành nghề dược có hiệu lực từ ngày 08 tháng 9 năm 2023 được cấp theo Quyết định số: 685/QĐ-SYT ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng.

Thay thế cho Chứng chỉ hành nghề dược số 1153/CCHN-D-SYT-ST ngày 24 tháng 6 năm 2022.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực Quyền số 1 SCT/BS

Ngày: **1-2-03-2024**

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 9



Sóc Trăng, ngày 08 tháng 9 năm 2023



Võ Quốc Trứ

BẢN SAO

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....**005791**.../ST - CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Họ và tên: **TRẦN THỊ BÍCH NGỌC.**

Ngày, tháng, năm sinh: 04/10/1992.

Giấy chứng minh nhân dân/ Số định danh cá nhân/ số hộ chiếu: 094192014961; Ngày cấp: 13/8/2021.

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Địa chỉ cư trú: Số 126/2 Trần Bình Trọng, Khóm 1, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Văn bằng chuyên môn: Cao Đẳng Điều dưỡng.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ.



Sóc Trăng, ngày 27 tháng 6 năm 2022

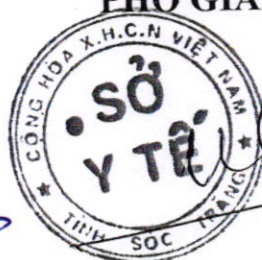
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực**142**.....Quyển số **1**.....SCT/BS

Ngày: **12-03-2024**

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 9



Trần Văn Khải

Trần Minh Cường

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SẠCH

Số:.....006071../ST - CCHN

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Họ và tên: **TRẦN THUY THÚY ÁI.**

Ngày, tháng, năm sinh: 06/10/1983.

Giấy chứng minh nhân dân/ Số định danh cá nhân/ số hộ chiếu: 094183016650; Ngày cấp: 11/8/2021.

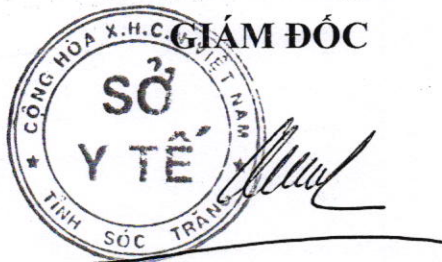
Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Địa chỉ cư trú: Số 554 Lý Thường Kiệt, Khóm 3, Phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Văn bằng chuyên môn: Y sĩ.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Tham gia sơ cứu ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh thông thường theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ.

Sóc Trăng, ngày 08 tháng 03 năm 2023



Võ Quốc Trứ

CHỨNG THỰC BẢN ĐÁP ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực Quyền số'SCT/BS

Ngày: 12-03-2024

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 9



Trần Minh Cường

BẢN SAO

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **005807**.../ST - CCHN.

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Họ và tên: **TRẦN THÚY DUY.**

Ngày, tháng, năm sinh: 22/5/1985.

Giấy chứng minh nhân dân/ Số định danh cá nhân/ số hộ chiếu: 094185013230; Ngày cấp: 28/9/2021.

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Địa chỉ cư trú: Ấp Giồng Có, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Văn bằng chuyên môn: Cử nhân Điều dưỡng.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ.



Sóc Trăng, ngày 15 tháng 7 năm 2022

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực **100**.....Quyển số **1**.....SCT/BS

Ngày: **12-03-2024**

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 9



Trần Minh Cường

Trần Văn Khải

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **03994** ST - CCHN

BẢN SAO

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y,

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



Họ và tên: **HUỖNH NGỌC HÂN.**

Ngày, tháng, năm sinh: 07/9/1983.

Giấy chứng minh nhân dân/ Số định danh cá nhân/ số
hộ chiếu: 365479495.

Ngày cấp: 07/8/2012; Nơi cấp: CA Sóc Trăng.

Địa chỉ cư trú: Số 375, Nguyễn Văn Linh, Khóm 2,
Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Văn bằng chuyên môn: Bác sĩ.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa
bệnh đa khoa; Điều trị cai nghiện bằng Methadone.

Sóc Trăng, ngày 20 tháng 9 năm 2017

GIÁM ĐỐC



BSCKII. Trương Hoài Phong

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực **419** Quyền số **01** SCT/BS
Ngày **11** tháng **03** năm 20**14**
CÔNG CHỨNG VIỆN



Trịnh Thanh Hiền